

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN  
CHỈ THỊ 20-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Cơ quan/đơn vị/địa phương:.....

**I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 20-CT/TW**

**1. Kết quả ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để tổ chức thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW từ 2012 đến nay (thống kê đầy đủ các văn bản đã ban hành)**

STT	Cơ quan ban hành	Tên văn bản	Ngày ban hành
1	Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương		
2	Tỉnh ủy/Thành ủy		
3	HĐND tỉnh/thành phố		
4	UBND tỉnh/thành phố		
5	Sở Lao động - Thương binh và xã hội		
6	Các sở, ban, ngành, đoàn thể xã hội liên quan khác		
7	Cấp huyện (Ghi tỷ lệ % số quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, thành phố có ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo)		
8	Cấp xã (Ghi tỷ lệ % số xã/phường/thị trấn có ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo)		

**2. Hoạt động kiểm tra/giám sát, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW**

(đánh dấu X hoặc điền thông tin vào ô tương ứng)

	Kiểm tra/giám sát		Sơ kết, đánh giá			
	Không	Có, nêu rõ hình thức	Không	Có, nêu rõ định kỳ		
				3 năm	5 năm	Khác (ghi rõ)
Ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> .....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	.....
Tỉnh ủy/Thành ủy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> .....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	.....
Hội đồng Nhân dân tỉnh/thành phố	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> .....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	.....
Ủy ban Nhân dân tỉnh/thành phố	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> .....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	.....
Sở Lao động – Thương binh và xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> .....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	.....
Các sở, ban, ngành, đoàn thể xã hội liên quan khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> .....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	.....

Cấp huyện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> .....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	.....
Cấp xã	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> .....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	.....

## II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

### 1. Số liệu cơ bản về dân số trẻ em và tình hình trẻ em

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>				
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người			
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/ tổng dân số	%			
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người			
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%			
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT/tổng số trẻ dưới 6 tuổi	%			
4	Số người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi	Người			
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%			
<b>II</b>	<b>Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</b>	Người			
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	Người			
2	Trẻ em bị bỏ rơi	Người			
3	Trẻ em không nơi nương tựa	Người			
4	Trẻ em khuyết tật	Người			
5	Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS	Người			
6	Trẻ em vi phạm pháp luật	Người			
7	Trẻ em nghiện ma túy	Người			
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Người			
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực	Người			
10	Trẻ em bị bóc lột	Người			
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục	Người			
12	Số trẻ em bị mua bán	Người			



13	Số trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Người			
14	Số trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc	Người			
<b>III</b>	<b>Trẻ em có hoàn cảnh khác</b>	<b>Người</b>			
	Trẻ em bị tai nạn thương tích	Người			
1	Trẻ em tử vong do tai nạn thương tích Trong đó:	Người			
2	Trẻ em tử vong do tai nạn đuối nước	Người			
3	Trẻ em tử vong do tai nạn giao thông	Người			

**2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về trẻ em (mục này chỉ dành cho các bộ, ngành báo cáo)**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021
<b>I</b>	<b>Bảo vệ trẻ em</b>				
1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em	%			
2	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	%			
3	Số trẻ em bị bạo lực <sup>1</sup>	Người			
4	Tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng dân số trẻ em	%			
5	Tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên	%			
6	Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích	‰			
7	Tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích	‰			
8	Tỷ lệ trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.	%			
9	Tỷ lệ mức giảm số cuộc tảo hôn hằng năm	%			
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh	%			
<b>II</b>	<b>Về phát triển toàn diện</b>				

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 .

	<b>trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em</b>				
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%			
2	Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện	%			
3	Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống	%			
4	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	%			
5	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	%			
6	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰			
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng				
	<i>Thể cân nặng theo tuổi</i>	%			
	<i>Thể chiều cao theo tuổi</i>	%			
	<i>Thể béo phì</i>	%			
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%			
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%			
10	Tỷ lệ cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh	%			
11	Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi <sup>2</sup> .	%			
<b>III</b>	<b>Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em</b>				
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội	%			
2	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo	%			
3	Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi <sup>3</sup>	%			

<sup>2</sup> Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.



4	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non <sup>4</sup>	%			
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non <sup>5</sup>	%			
6	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học	%			
7	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học <sup>6</sup>	%			
8	Tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học	%			
9	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp học trung học cơ sở	%			
10	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở <sup>7</sup>	%			
11	Tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở	%			
12	Tỷ lệ trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em	%			
13	Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật	%			
14	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp	%			
15	Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em	%			
<b>IV</b>	<b>Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em</b>				
1	Tỷ lệ trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp	%			
2	Tỷ lệ trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em	%			
3	Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được	%			

<sup>3</sup> Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.

<sup>4</sup> Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.

<sup>5</sup> Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.

<sup>6</sup> Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.

<sup>7</sup> Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.

	tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em				
4	Tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp <sup>8</sup>	%			

### 3. Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục

Stt	Công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021
1	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương?				
	Trong đó:				
1.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến	Chương trình			
1.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến	Đầu Chương trình, Chuyên mục			
1.3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện			

### 4. Tổ chức, bộ máy làm công tác trẻ em

STT	Số lượng cán bộ làm công tác trẻ em	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021
1	Trung ương	Người			
2	Địa phương (tổng số)	Người			
2.1.	Cấp tỉnh	Người			
	<i>Chuyên trách</i>	<i>Người</i>			
	<i>Kiểm nhiệm</i>	<i>Người</i>			
2.2.	Cấp huyện	Người			
	<i>Chuyên trách</i>	<i>Người</i>			
	<i>Kiểm nhiệm</i>	<i>Người</i>			
2.3	Cấp xã	Người			
	<i>Chuyên trách</i>	<i>Người</i>			

<sup>8</sup> Theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012.



	<i>Kiểm nhiệm</i>	<i>Người</i>			
2.3	Cộng tác viên thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người			

### 5. Kinh phí dành cho công tác bảo vệ trẻ em

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 20142	Năm 2016	Năm 2021
1	Tổng ngân sách dành cho công tác trẻ em	Triệu đồng			
1.1	<i>Ngân sách trung ương</i>	<i>Triệu đồng</i>			
1.2	<i>Ngân sách địa phương</i>	<i>Triệu đồng</i>			
1.2.1	<i>Nguồn do Trung ương phân bổ về</i>	<i>Triệu đồng</i>			
1.2.2	<i>Nguồn bố trí từ ngân sách địa phương thông qua Sở LĐTBXH (bao gồm cả nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em; cấp cho hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp tỉnh)</i>	<i>Triệu đồng</i>			
a	<i>Trong đó: Ngân sách bố trí cho các chương trình/kế hoạch/đề án của Thủ tướng Chính phủ</i>	<i>Triệu đồng</i>			
1.2.3	<i>Ngân sách do thành phố, quận, huyện, thị xã bố trí (không tính nguồn ngân sách do cấp tỉnh phân bổ về)</i>	<i>Triệu đồng</i>			
1.2.4	<i>Ngân sách do xã, phường, thị trấn bố trí (không tính nguồn ngân sách do cấp tỉnh, huyện phân bổ về)</i>	<i>Triệu đồng</i>			
1.3	<i>Các nguồn kinh phí vận động khác</i>	<i>Triệu đồng</i>			
1.3.1	<i>Vận động của Quỹ bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp)</i>	<i>Triệu đồng</i>			
1.3.2	<i>Vận động từ các tổ chức quốc tế</i>	<i>Triệu đồng</i>			
2	Mức phụ cấp cho cộng tác viên thôn, bản, ấp/tháng	Đồng Việt Nam			

## 6. Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

Stt	Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	ĐVT	Năm 2012 <del>1</del>	Năm 2016	Năm 2021
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Cơ sở			
1.1	<i>Số cơ sở công lập (bao gồm các cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ em)</i>	Cơ sở			
1.2	<i>Số cơ sở ngoài công lập</i>				
2	Số quận, huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm công tác xã hội hoặc có Văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	Huyện			
3	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm			
4	Số điểm tư vấn trường học	Điểm			